

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 6 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm
2. Bà Phạm Kim Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: **60**/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn H

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn H trình bày: ông và bà L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vị Thanh, huyện Vị Thanh (nay là phường I, thành phố Vị Thanh), tỉnh Hậu Giang vào năm 1986. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông bà đã cố hàn gắn nhưng không được. Ông bà đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Do đó, nguyên đơn khởi kiện xin được ly hôn bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là Phan Khắc Huy (giới tính: Nam) sinh ngày 20/4/1986; Phan Ngọc Huyền (giới tính: Nữ) sinh ngày 19/4/1990. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: bà không thống nhất ly hôn với ông H vì bà còn thương con, thương cháu, dù hiện tại bà cũng không biết quan hệ hôn nhân còn có thể hàn gắn được hay không.

Về con chung: quá trình chung sống có 02 con chung là Phan Khắc Huy (giới tính: Nam) sinh ngày 20/4/1986; Phan Ngọc Huyền (giới tính: Nữ) sinh ngày 19/4/1990. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, ông H vẫn giữ nguyên ý kiến, bà L vắng mặt nên chưa có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Ông Phan Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị L nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* bị đơn bà Nguyễn Thị L cư trú tại khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị L đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V (nay là phường B, thành phố Vị Thanh), tỉnh Hậu Giang vào năm 1986. Do đó, hôn nhân giữa ông H và bà L là hợp pháp. Ông H yêu cầu ly hôn với bà L là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông đã tạo nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng không được. Vì vậy, ông H cương quyết xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, bà L không thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, khi Tòa án mời bà đến dự phiên tòa, bà L không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Điều đó chứng tỏ tình cảm của bà L đối với ông H cũng không còn, bà L cũng không muốn hàn gắn lại. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa

ông H và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, cho ông H ly hôn với bà L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Quá trình chung sống, có 02 con chung là Phan Khắc H1 (giới tính: Nam) sinh ngày 20/4/1986; Phan Ngọc H2 (giới tính: Nữ) sinh ngày 19/4/1990. Các con đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[6] *Về tài sản chung*: Ông H và bà L trình bày không có và cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[7] *Về nợ chung*: Ông H và bà L trình bày không có và cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[8] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông H phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn ông Phan Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Phan Văn H đã nộp theo biên lai số 0006337 ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, ông Phan Văn H không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Liêm

Phạm Kim Ngọc

Huỳnh Xuân Tình

